

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦ THỪA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lư Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo

2. Ông Nguyễn Hữu Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị P, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Lê Phước H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị P trình bày:

Bà P và ông H qua quen biết, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều khác biệt trong lối sống. Ông H thường xuyên ăn nhậu, không lo chí thú làm ăn, say rượu về nhà đánh vợ con dẫn đến vợ chồng cãi nhau nghiêm trọng không hòa giải được. Quan hệ hôn nhân chuyển biến xấu đi ảnh hưởng đến tinh thần của vợ chồng. Thấy tình cảm không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể sống chung nên bà P yêu cầu ly hôn với ông H. Bà P yêu cầu được nuôi hai con chung tên Lê Thị Liên T, sinh ngày ngày 02/10/2004 và Lê Thị Yến V, sinh ngày 18/10/2008, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Phước H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có bằng tường trình, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa bà Bùi Thị P với ông Lê Phước H là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Phước H đã được Tòa án thông báo đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà P, xét thấy: Bà P và ông H qua quen biết rồi tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà P thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường xuyên ăn nhậu, không lo chí thú làm ăn, say rượu về thì đánh vợ con nên vợ chồng thường cãi nhau không hàn gắn được và từ năm 2013 ông H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Thời gian ly thân bà P và ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm để trở về chung sống với nhau. Ông H được thông báo đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ nhưng ông H không đến tham dự phiên hòa giải, không có mặt tại phiên tòa chứng tỏ ông H ông không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Thấy rằng, giữa ông bà tình cảm không còn đầm ấm và hiện đã ly thân thời gian tương đối dài. Bà P yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P. Về con chung, bà P trình bày từ khi sống chung đến nay, bà P và ông H có hai con chung tên Lê Thị Liên T, sinh ngày ngày 02/10/2004 và Lê Thị Yến V, sinh ngày 18/10/2008, khi ly hôn bà P yêu cầu nuôi cháu T và cháu V. Xét thấy, cháu T và cháu V có nguyện vọng muốn sống chung với bà P và hiện nay cũng đang sống chung với bà P. Do đó, cần thiết tiếp tục giao cháu T và cháu V cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng cho con chung do bà P không yêu cầu. Bà P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà P là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị P đối với ông Lê Phước H về tranh chấp ly hôn.

Về hôn nhân: Bà Bùi Thị P được ly hôn với ông Lê Phước H

Về con chung: Giao cho bà Bùi Thị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Thị Liên T, sinh ngày ngày 02/10/2004 và Lê Thị Yên V, sinh ngày 18/10/2008. Ông H không phải cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của bà P, ông H hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001896 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Mỹ Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Lưu Thủy**